

Số: 395/QĐ-UBND

Mường Tùng, ngày 25 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Tạm cấp kinh phí chi thường xuyên ngân sách địa phương để thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo hoạt động cho các cơ quan, đơn vị của xã mới thành lập (đợt 3), năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ MUỜNG TÙNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; Luật số 56/2024/QH15 thông qua ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, Luật kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật ngân sách nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông báo số 3018/TB-STC ngày 22/9/2025 của sở Tài chính tỉnh về việc tạm cấp kinh phí chi ngân sách địa phương cho các xã, phường mới thành lập (đợt 3), năm 2025;

Căn cứ Thông báo số 29-TB/ĐU ngày 24/9/2025 của Đảng ủy xã về chủ trương sử dụng nguồn kinh tạm cấp kinh phí chi thường xuyên ngân sách địa phương để thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo hoạt động cho các cơ quan, đơn vị của xã mới thành lập (đợt 3), năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tạm cấp kinh phí chi thường xuyên ngân sách địa phương để thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo hoạt động cho các cơ quan, đơn vị của xã mới thành lập (đợt 3) năm 2025, với tổng số tiền: **12.000 triệu đồng**.

(Có biểu chi tiết kèm theo).

Nguồn kinh phí: Nguồn kinh phí tại Thông báo số 3018/TB-STC ngày 22/9/2025 của Sở Tài chính.

Điều 2. Các cơ quan, đơn vị tại **Điều 1** có trách nhiệm quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn kinh phí theo các quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND - UBND xã; Các cơ quan, đơn vị có tên tại Điều 1, và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT. Đảng ủy xã;
- TT. HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Trưởng Phòng giao dịch số 1 - KBNN Khu vực X;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quang Hợp

BIỂU GIAO DỰ TOÁN KINH PHÍ TẠM CẤP LẦN 3 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 395/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2025 của UBND xã)

Đơn vị: Văn phòng Đảng ủy (Mã DVQHNS 1143839)

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Loại	Khoản	TC nguồn KP	Số tiền
	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH					497
I	Hoạt động Đảng					497
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	819	340	351	13	488
2	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ					9
-	Đại hội đảng của chi bộ cơ sở	819	340	351	12	9



BIỂU GIAO DỰ TOÁN KINH PHÍ TẠM CẤP LẦN 3 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 395/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2025 của UBND xã)

Đơn vị: Văn phòng HĐND-UBND (Mã DVQHNS 1143835)

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Loại	Khoản	TC nguồn KP	Số tiền
	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH					614
I	Quản lý hành chính					470
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	830	340	341	13	463
2	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ					7
-	<i>Đại hội đảng của chi bộ cơ sở</i>	<i>830</i>	<i>340</i>	<i>341</i>	<i>12</i>	<i>7</i>
II	Quốc phòng					87
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	830	010	011	13	87
III	An ninh, trật tự, an toàn xã hội					57
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	830	010	041	13	57

BIỂU GIAO DỰ TOÁN KINH PHÍ TẠM CẤP LẦN 3 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 395/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2025 của UBND xã)

Đơn vị: Phòng Kinh tế (Mã DVQHNS 1143833)

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Loại	Khoản	TC nguồn KP	Số tiền
	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH					3.346
A	Chi thường xuyên					120
I	Quản lý hành chính					120
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	831	340	341	13	113
2	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ					7
-	Đại hội đảng của chi bộ cơ sở	831	340	341	12	7
B	Chương trình mục tiêu quốc gia					3.226
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi					3.226
1	Dự án 4: đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công nghiệp của lĩnh vực (Mã Dự án 10514)					3.226
1.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư CSHT thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN					3.226
-	Sửa chữa nước sinh hoạt bản Tin Tốc xã Mường Tùng	831	280	311	12	153
-	Sửa chữa đường bản Pom Cại xã Mường Tùng	831	280	292	12	606
-	Sửa chữa kè rọ đá bản Mường Tùng xã Mường Tùng	831	280	338	12	132
-	Duy tu, sửa chữa thủy lợi Tin Tốc bản Tin Tốc xã Mường Tùng	831	280	283	12	2.335

BIỂU GIAO DỰ TOÁN KINH PHÍ TẠM CẤP LẦN 3 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 395/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2025 của UBND xã)

Đơn vị: Phòng Văn hóa - Xã hội (Mã DVQHNS 1143834)

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Loại	Khoản	TC nguồn KP	Số tiền
	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH					839
I	Quản lý hành chính					122
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	832	340	341	13	115
2	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ					7
-	<i>Đại hội đảng của chi bộ cơ sở</i>	832	340	341	12	7
II	Đảm bảo xã hội					717
1	Chế độ hưu xã	832	370	374	13	11
2	Kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị định số 20/2021/ND-CP và Nghị định số 76/2024/NĐ-CP	832	370	398	12	630
3	Kinh phí đảm bảo xã hội thường xuyên, đột xuất	832	370	398	12	10
	Kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	832	370	398	12	66

BIỂU GIAO DỰ TOÁN KINH PHÍ TẠM CẤP LẦN 3 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 395/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2025 của UBND xã)

Đơn vị: Trung tâm phục vụ hành chính công (Mã DVQHNS 1143831)

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Loại	Khoản	TC nguồn KP	Số tiền
	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH					99
	Quản lý hành chính					99
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	833	340	341	13	92
2	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ					7
-	Đại hội đảng của chi bộ cơ sở	833	340	341	12	7

BIỂU GIAO DỰ TOÁN KINH PHÍ TẠM CẤP LẦN 3 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 395/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2025 của UBND xã)

Đơn vị: Trung tâm dịch vụ tổng hợp (Mã DVQHNS 1143832)

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Loại	Khoản	TC nguồn KP	Số tiền
	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH					55
I	Sự nghiệp kinh tế					55
1	Chi thường xuyên	821	160	161	13	55

BIỂU GIAO DỰ TOÁN KINH PHÍ TẠM CẤP LẦN 3 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 395/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2025 của UBND xã)

Đơn vị: Ủy ban mặt trận tổ quốc (Mã DVQHNS 1143830)

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Loại	Khoản	TC nguồn KP	Số tiền
	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH					519
A	Chi thường xuyên					249
I	Hoạt động Đoàn thể					249
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	820	340	361	13	242
2	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ					7
-	<i>Đại hội đảng của chi bộ cơ sở</i>	820	340	361	12	7
B	Chương trình mục tiêu quốc gia					270
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi					270
1	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em (Mã dự án: 10518)	820	370	398	12	120
2	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn (Mã dự án: 10519)					150
	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	820	370	398	12	150

BIỂU GIAO DỰ TOÁN KINH PHÍ TẠM CẤP LẦN 3 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 395/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2025 của UBND xã)

Đơn vị: Trường Mầm non Huồi Lềng (Mã DVQHNS 1085784)

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Loại	Khoản	TC nguồn KP	Số tiền
	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH					722
I	Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo					722
1	Chi thường xuyên	822	070	071	13	636
2	Chi không thường xuyên	822	070	071	12	86
-	Chính sách theo NĐ 105/2020/NĐ-CP					48
-	Chính sách theo NĐ 238/2025/NĐ-CP					35
-	Chính sách học sinh khuyết tật Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC					3

BIỂU GIAO DỰ TOÁN KINH PHÍ TẠM CẤP LẦN 3 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 395/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2025 của UBND xã)

Đơn vị: Trường Mầm Non Mừng Tùng (Mã DVQHNS 1130222)

DVT: triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Loại	Khoản	TC nguồn KP	Số tiền
	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH					1.024
I	Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo					1.024
1	Chi thường xuyên	822	070	071	13	893
2	Chi không thường xuyên	822	070	071	12	131
-	Chính sách theo ND 105/2020/ND-CP					73
-	Chính sách theo ND 238/2025/ND-CP					56
-	Chính sách học sinh khuyết tật Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC					2

BIỂU GIAO DỰ TOÁN KINH PHÍ TẠM CẤP LẦN 3 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 395/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2025 của UBND xã)

Đơn vị: Trường PTDTBT Tiểu học Huồi Lũng (Mã DVQHNS 1085765)

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Loại	Khoản	TC nguồn KP	Số tiền
	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH					1.030
I	Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo					1.030
1	Chi thường xuyên	822	070	072	13	856
2	Chi không thường xuyên	822	070	072	12	174
-	<i>Chính sách theo ND 116/2016/NĐ-CP</i>					120
-	<i>Chính sách theo ND 238/2025/NĐ-CP</i>					37
-	<i>Chính sách học sinh khuyết tật Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC</i>					17

BIỂU GIAO DỰ TOÁN KINH PHÍ TẠM CẤP LẦN 3 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 395/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2025 của UBND xã)

Đơn vị: Trường PTDTBT Tiểu Học Nậm He (Mã DVQHNS 1085773)

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Loại	Khoản	TC nguồn KP	Số tiền
	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH					904
I	Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo					904
1	Chi thường xuyên	822	070	072	13	646
2	Chi không thường xuyên	822	070	072	12	258
-	Chính sách theo ND 116/2016/NĐ-CP					200
-	Chính sách theo ND 238/2025/NĐ-CP					49
-	Chính sách học sinh khuyết tật Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDDT-BLĐTBXH-BTC					9

BIỂU GIAO DỰ TOÁN KINH PHÍ TẠM CẤP LẦN 3 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 395/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2025 của UBND xã)

Đơn vị: Trường PTDTBT THCS Huổi Lèng (Mã DVQHNS 1085745)

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Loại	Khoản	TC nguồn KP	Số tiền
	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH					1.046
I	Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo					1.046
1	Chi thường xuyên	822	070	073	13	704
2	Chi không thường xuyên	822	070	073	13	342
-	Chính sách theo ND 66/2025/NĐ-CP					250
-	Chính sách theo ND 238/2025/NĐ-CP					79
-	Chính sách học sinh khuyết tật Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT- BLĐTBXH-BTC					13

BIỂU GIAO DỰ TOÁN KINH PHÍ TẠM CẤP LẦN 3 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 395/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2025 của UBND xã)

Đơn vị: Trường PTDTBT Tiểu học và THCS Mường Tùng (Mã DVQHNS 1130223)

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung	Chương	Loại	Khoản	TC nguồn KP	Số tiền
	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH					1.305
I	Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo					1.305
1	Cấp Tiểu học					290
1.1	Chi thường xuyên	822	070	072	13	255
1.2	Chi không thường xuyên	822	070	072	12	35
-	Chính sách theo NĐ 66/2025/NĐ-CP					21
-	Chính sách theo NĐ 238/2025/NĐ-CP					11
-	Chính sách học sinh khuyết tật Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC					3
2	Cấp Trung học cơ sở					1.015
1.1	Chi thường xuyên	822	070	073	13	738
1.2	Chi không thường xuyên	822	070	073	12	277
-	Chính sách theo NĐ 66/2025/NĐ-CP					230
-	Chính sách theo NĐ 238/2025/NĐ-CP					45
-	Chính sách học sinh khuyết tật Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC					2

